

Số: 43

Ngày 28/10/2024

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 43 có các nội dung đáng chú ý sau:

➤ Nghị định 131/2024/NĐ-CP quy định hàng hóa nhập khẩu được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định VIFTA phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: Thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định này; được nhập khẩu vào Việt Nam từ I-xra-en; đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa và có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hoá theo quy định của Hiệp định VIFTA và các quy định hiện hành.

➤ Quyết định 1219/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Hỗ trợ thông tin và tuyên truyền về quốc phòng, an ninh, dân tộc và chính sách dân tộc thuộc các tỉnh địa bàn biên giới đất liền". Theo đó, phát huy vai trò, trách nhiệm, nâng cao năng lực của các cơ quan báo chí, xuất bản trong thông tin, tuyên truyền ở các tỉnh địa bàn biên giới đất liền.

➤ Thông tư 22/2024/TT-BYT quy định không chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác thuộc một trong các trường hợp sau: tình trạng sức khỏe, bệnh lý người bệnh được xác định không đủ điều kiện để chuyển; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người bệnh đang khám và điều trị đang trong thời gian cách ly y tế theo quy định của pháp luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm; không thể điều chuyển thuốc, thiết bị y tế giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định pháp luật.

➤ Bản tin tuần này thực hiện giải đáp pháp luật liên quan đến các quy định về đóng phí công đoàn.

Xin trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH VIFTA

Ngày 15/10/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 131/2024/NĐ-CP Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en giai đoạn 2024 – 2027.

Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định VIFTA giai đoạn 2024 - 2027 gồm mã hàng, mô tả hàng hóa, thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo các giai đoạn được nhập khẩu từ lãnh thổ I-xra-en vào Việt Nam đối với từng mã hàng.

Cột “Thuế suất VIFTA (%)” tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt: Thuế suất áp dụng cho các giai đoạn khác nhau, bao gồm:

Cột “2024”, thuế suất áp dụng từ ngày 15 tháng 10 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; cột “2025” thuế suất áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025; cột “2026” thuế suất áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026; cột “2027” thuế suất áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Hàng hóa nhập khẩu được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định VIFTA phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: Thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo

Nghị định này; được nhập khẩu vào Việt Nam từ I-xra-en; đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa và có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định của Hiệp định VIFTA và các quy định hiện hành.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/10/2024 đến hết ngày 31/12/2027.

2. PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA

Ngày 17/10/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1206/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

04 thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực di sản văn hóa được Thủ tướng phê duyệt phương án đơn giản hóa bao gồm: Thủ tục đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài phục vụ hoạt động đối ngoại cấp Nhà nước; thủ tục đưa bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng chuyên ngành ra nước ngoài theo chương trình hợp tác quốc tế để giới thiệu, quảng bá lịch sử, văn hóa, đất nước và con người Việt Nam; thủ tục đưa bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích do bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương quản lý ra nước ngoài theo kế hoạch hợp tác quốc tế về nghiên cứu hoặc bảo quản; thủ tục lấy ý kiến về dự kiến đặt tên, đổi tên công trình

công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng, tên đường, phố.

06 thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực văn hóa cơ sở được Thủ tướng phê duyệt phương án đơn giản hóa bao gồm: Thủ tục cấp Huy chương Vàng, Huy chương Bạc, Giấy khen cho cuộc thi, liên hoan văn nghệ quần chúng cấp toàn quốc và khu vực; thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận ngày truyền thống; thủ tục xét, công nhận quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh...

Quyết định có hiệu lực từ ngày 17/10/2024.

3. HỖ TRỢ TUYÊN TRUYỀN VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH THUỘC CÁC TỈNH CÓ ĐỊA BÀN BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN

Ngày 18/10/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1219/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Hỗ trợ thông tin và tuyên truyền về quốc phòng, an ninh, dân tộc và chính sách dân tộc thuộc các tỉnh địa bàn biên giới đất liền". Đề án, triển khai áp dụng tại 25 tỉnh có biên giới đất liền.

Mục tiêu từ năm 2025 đến năm 2027, hỗ trợ tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng, thông tin, tuyên truyền cho ít nhất 40% lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên; ưu tiên các tổ, đội công tác của các đơn vị quân đội, công an, báo cáo viên, tuyên truyền viên các xã, huyện biên giới, các xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh.

Hỗ trợ trang bị, phương tiện phục vụ hoạt động thông tin, tuyên truyền của các đơn vị quân đội, công an và các lực lượng trực tiếp thông tin,

tuyên truyền ở cơ sở tại các tỉnh địa bàn biên giới đất liền; trong đó, bảo đảm hỗ trợ ít nhất 70% các đồn biên phòng, công an cấp xã, đơn vị quân đội đóng quân, làm nhiệm vụ ở các xã, huyện biên giới, các xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh.

Hàng năm, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân các tỉnh địa bàn biên giới đất liền phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan xuất bản trong việc xuất bản các ấn phẩm hỗ trợ thông tin, tuyên truyền.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 18/10/2024.

4. ĐẾN NĂM 2030, 100% CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ngày 18/10/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1220/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực thanh tra, kiểm tra thực hiện chính sách dân tộc cho công chức trong các cơ quan quản lý Nhà nước về công tác dân tộc giai đoạn 2025 – 2030.

Mục tiêu của Đề án nhằm nâng cao, cập nhật kiến thức nghiệp vụ, kỹ năng thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách dân tộc cho đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra trong các cơ quan quản lý Nhà nước về công tác dân tộc nhằm tăng cường hiệu quả quản lý Nhà nước về công tác dân tộc, góp phần thực hiện tốt chính sách dân tộc từ trung ương đến địa phương giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030, cụ thể:

Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra thực hiện chính sách dân tộc trong các cơ quan quản lý Nhà nước về công tác dân tộc. Đến năm 2030, 100% đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra tại các cơ quan quản lý Nhà nước về công tác dân tộc được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực về nghiệp vụ, kỹ năng thanh tra, kiểm tra trong thực hiện chính sách dân tộc. Đến năm 2030, 100% các cơ quan quản lý Nhà nước về công tác dân tộc được đẩy mạnh hoạt động về chuyển đổi số; hiện đại hóa hệ thống cơ sở dữ liệu về thanh tra, kiểm tra thực hiện chính sách dân tộc.

Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện các mục tiêu Đề án gồm:

Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về hoàn thiện cơ chế, thể chế, chính sách: Rà soát, tham mưu đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách, các

điều kiện đảm bảo hoạt động thanh tra, kiểm tra có tính chất đặc thù trong các cơ quan quản lý Nhà nước về công tác dân tộc; tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết công tác thanh tra, kiểm tra để tháo gỡ, giải đáp những vướng mắc, những vấn đề mới phát sinh, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi các quy định còn bất cập.

Nhóm nhiệm vụ về nâng cao chất lượng đội ngũ công chức làm nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra thực hiện chính sách dân tộc: Rà soát, xác định nhu cầu và xây dựng kế hoạch tập huấn, cập nhật kiến thức pháp luật, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng thanh tra, kiểm tra trong thực hiện chính sách dân tộc cho đội ngũ công chức; tổ chức tập huấn, cập nhật kiến thức pháp luật, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng thanh tra, kiểm tra thực hiện chính sách dân tộc cho đội ngũ công chức tại cơ quan quản lý Nhà nước về công tác dân tộc...

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/10/2024.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

5. TRÌNH TỰ LẬP HỒ SƠ ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Ngày 18/10/2024, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư 11/2024/TT-BNV quy định về việc lập, quản lý hồ sơ địa giới đơn vị hành chính.

Trình tự lập hồ sơ địa giới đơn vị hành chính như sau: Đánh giá hiện trạng địa giới đơn vị hành chính và hồ sơ địa giới đơn vị hành chính; xác định địa giới đơn vị hành chính ở thực địa; lập bản đồ địa giới đơn vị

hành chính gốc thực địa; hoàn thiện hồ sơ địa giới đơn vị hành chính.

Hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp xã gồm: Bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã; bản xác nhận sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã; bản xác nhận tọa độ mốc địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã; bảng tọa độ các điểm đặc trưng trên

đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã; mô tả tình hình chung về địa giới đơn vị hành chính cấp xã...

Hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp huyện gồm: Bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp huyện; bản xác nhận sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp tỉnh trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp huyện; bảng tọa độ mốc địa giới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp tỉnh và các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp huyện; mô tả tình hình chung về địa giới đơn vị hành chính cấp huyện...

Hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh gồm: Bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh; bản xác nhận sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh; bảng tọa độ mốc địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh và các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh; mô tả tình hình chung về địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh...

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 18/10/2024.

6. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN TRỰC TIẾP CHI PHÍ MUA THUỐC CHO NGƯỜI THAM GIA BẢO HIỂM Y TẾ TỪ NGÀY 01/01/2025

Ngày 18/10/2024, Bộ Y tế đã ban hành Thông tư 22/2024/TT-BYT quy định về thanh toán chi phí thuốc, thiết bị y tế trực tiếp cho người có thẻ bảo hiểm y tế đi khám bệnh, chữa bệnh.

Điều kiện thanh toán chi phí thuốc, thiết bị y tế trực tiếp cho người có thẻ bảo hiểm y tế đi khám

bệnh, chữa bệnh: Không có thuốc, thiết bị y tế do đang trong quá trình lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được duyệt; không chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác thuộc một trong các trường hợp sau: tình trạng sức khỏe, bệnh lý người bệnh được xác định không đủ điều kiện để chuyển; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người bệnh đang khám và điều trị đang trong thời gian cách ly y tế theo quy định của pháp luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm; không thể điều chuyển thuốc, thiết bị y tế giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định pháp luật; thuốc, thiết bị y tế được kê đơn, chỉ định sử dụng phải phù hợp với phạm vi chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và đã được thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại một trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn quốc; thuốc, thiết bị y tế được kê đơn, chỉ định sử dụng phải thuộc phạm vi quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế.

Đơn giá thuốc, thiết bị y tế làm căn cứ để xác định mức thanh toán không được vượt quá đơn giá thanh toán tại thời điểm gần nhất đối với trường hợp thuốc, thiết bị y tế đã trúng thầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người bệnh đã khám bệnh, chữa bệnh.

Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tăng cường kiểm tra, đôn đốc các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý đảm bảo không có lạm dụng, trục lợi trong việc kê đơn chỉ định người bệnh tự mua thuốc, thiết bị y tế; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định pháp luật.

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

7. BỔ SUNG DANH MỤC TÀI SẢN PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TRONG BỘ QUỐC PHÒNG

Ngày 18/10/2024, Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư 72/2024/TT-BQP quy định, hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định là tài sản chuyên dùng; chế độ báo cáo tài sản cố định là tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý tại các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng.

Bổ sung Danh mục tài sản chuyên dùng trong Bộ Quốc phòng như sau:

Tài sản cố định hữu hình: Máy móc, thiết bị văn phòng chuyên dùng; máy móc, thiết bị chuyên dùng khác; tài sản cố định hữu hình chuyên dùng khác.

Tài sản cố định vô hình: Quyền sử dụng đất chuyên dùng; tài sản cố định vô hình chuyên dùng khác.

Bổ sung Danh mục tài sản phục vụ công tác quản lý trong Bộ Quốc phòng như sau:

Tài sản cố định hữu hình: Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến; máy móc, thiết bị khác; cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm; tài sản cố định hữu hình khác.

Tài sản cố định vô hình: Quyền sử dụng đất; quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp; quyền đối với

cây trồng; sản phẩm phần mềm; tài sản cố định vô hình khác.

Đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng tài sản cố định báo cáo đơn vị, doanh nghiệp cấp trên đến Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính) đối với các loại tài sản cố định sau đây: Tài sản cố định tại đơn vị bao gồm: Nhà, đất; xe ô tô các loại; tài sản cố định khác; tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

8. QUY ĐỊNH PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Ngày 17/10/2024, Bộ Y tế ban hành Thông tư 21/2024/TT-BYT quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Các khoản chi không được tính vào chi phí hợp lý, hợp lệ để xác định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bao gồm: Chế độ phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thu hút, trợ cấp và các ưu đãi khác đối với cán bộ, viên chức y tế, lao động hợp đồng và cán bộ, nhân viên quân y trực tiếp làm công tác chuyên môn y tế tại các cơ sở y tế của Nhà nước ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; phụ cấp thu hút, phụ cấp công tác lâu năm, một số trợ cấp và thanh toán tiền tàu xe đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội nhân dân và công an nhân dân) công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn...

Thông tin về giá của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cùng loại đáp ứng các yêu cầu sau đây: Đã hoặc đang được áp dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi cung cấp thông tin về giá; được thu thập trong phạm vi 24 tháng tính từ thời điểm xây dựng phương án giá trở về trước của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương...

Thông tư có hiệu lực từ ngày 17/10/2024.

9. CHẾ ĐỘ THU, NỘP LỆ PHÍ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI THẺ CĂN CƯỚC

Ngày 21/10/2024, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 73/2024/TT-BTC quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

Mức thu lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước như sau: Cấp đổi thẻ căn cước công dân sang thẻ căn cước theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

hành Luật Căn cước 30.000 đồng/thẻ căn cước; cấp đổi thẻ căn cước đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Căn cước 50.000 đồng/thẻ căn cước; cấp lại thẻ căn cước đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Căn cước: 70.000 đồng/thẻ căn cước.

Miễn lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước đối với các trường hợp sau: Trẻ em theo quy định tại Luật Trẻ em; người cao tuổi theo quy định tại Luật Người cao tuổi; người khuyết tật theo quy định tại Luật Người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; công dân thường trú tại các xã biên giới; công dân thường trú tại các huyện đảo; công dân thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 21/10/2024.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

1. ĐỀ XUẤT 05 ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC TUYỂN THĂNG VÀO TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Bộ Giáo dục và Đào tạo đang thực hiện lấy ý kiến đối với dự thảo Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông.

Trong đó, dự thảo đề xuất 05 đối tượng được tuyển thăng vào trung học phổ thông gồm: học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú cấp trung

học cơ sở; học sinh là người dân tộc rất ít người; học sinh khuyết tật; học sinh trung học cơ sở đạt giải trong các cuộc thi, kỳ thi, hội thi đối với các môn văn hóa, văn nghệ, thể thao cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức trên quy mô toàn quốc; học sinh trung học cơ sở đạt giải trong các cuộc thi quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định chọn cử.

Điểm ưu tiên được cộng vào tổng điểm xét tuyển tính theo thang điểm 10 đối với mỗi môn thi.

Nhóm đối tượng được cộng 2.0 điểm gồm: con liệt sĩ; con thương binh/bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên"; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Nhóm đối tượng được cộng 1.5 điểm gồm: con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng; con thương binh/bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%.

Nhóm đối tượng được 1.0 điểm gồm người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; người dân tộc thiểu số; học sinh đang sinh sống, học tập ở các xã khu vực I, khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUẢN LÝ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG TRONG DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đang lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước.

Dự thảo gồm 5 Chương với 30 Điều quy định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước, bao gồm: Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 88 Luật Doanh nghiệp; Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 88 Luật Doanh nghiệp.

Theo dự thảo, lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng (bao gồm cả tiền thưởng trong quỹ lương) trong doanh nghiệp được xác định gắn với nhiệm vụ, năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, kinh doanh, phù hợp với ngành nghề, tính chất hoạt động của doanh nghiệp, hướng đến bảo đảm mặt bằng tiền lương trên thị trường. Nhà nước thực hiện quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thông qua giao nhiệm vụ, trách nhiệm cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp; đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thông qua cơ quan đại diện chủ sở hữu giao nhiệm vụ, trách nhiệm cho người đại diện phần vốn nhà nước

tham gia, biểu quyết, quyết định tại cuộc họp của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Căn cứ quy định của Nhà nước, Điều lệ hoạt động, doanh nghiệp quyết định việc tuyển dụng, sử dụng lao động, xây dựng thang, bảng lương, định mức lao động, xác định quỹ tiền lương, tiền thưởng và trả lương, thưởng đối với người lao động theo vị trí chức danh hoặc công việc, bảo đảm trả lương, thưởng thỏa đáng, không hạn chế mức tối đa đối với chuyên gia, người có tài năng, trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, đóng góp nhiều cho doanh nghiệp. Khi xác định tiền lương của người lao động và Ban điều hành, Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên, nếu có các yếu tố khách quan theo quy định tại Điều 4 Nghị định này tác động trực tiếp làm tăng hoặc giảm năng suất lao động, lợi nhuận trước thuế, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu hoặc vốn góp của chủ sở hữu (sau đây gọi là tỷ suất lợi nhuận) thì doanh nghiệp tính toán loại trừ, bảo đảm tiền lương gắn với năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, kinh doanh thực sự của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp làm nhiệm vụ bình ổn thị trường theo nhiệm vụ được Nhà nước giao thì được loại trừ những chi phí bảo đảm thực hiện nhiệm vụ bình ổn thị trường. Đối với doanh nghiệp thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí từ ngân sách do Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ (sau đây gọi là sản phẩm, dịch vụ công) thì tính đúng, tính đủ chi phí tiền lương phù hợp với mặt bằng thị trường vào chi phí, đơn giá sản

phẩm, dịch vụ công theo quy định của pháp luật.

Quỹ tiền lương thực hiện được xác định gắn với năng suất lao động, lợi nhuận thực hiện hằng năm so với năng suất lao động, lợi nhuận thực hiện bình quân của các năm khi xác định đơn giá tiền lương ổn định (sau đây gọi là lợi nhuận bình quân). Quỹ tiền lương thực hiện được xác định trên cơ sở đơn giá tiền lương ổn định và chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh tính đơn giá tiền lương thực hiện hằng năm, bảo đảm mức tăng tiền lương không vượt quá mức tăng năng suất lao động thực hiện của năm đó so với năng suất lao động thực hiện tính bình quân của các năm khi xác định đơn giá tiền lương ổn định và lợi nhuận thực hiện năm đó không thấp hơn lợi nhuận bình quân. Đối với doanh nghiệp có lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận bình quân thì được tăng thêm quỹ tiền lương thực hiện quy định tại điểm a khoản này theo nguyên tắc vượt 1% lợi nhuận thì được tăng thêm tối đa 2% quỹ tiền lương, nhưng không quá 20% phần lợi nhuận vượt và không quá 02 tháng tiền lương bình quân xác định trên cơ sở quỹ tiền lương thực hiện quy định tại điểm a khoản này. Đối với doanh nghiệp có lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận bình quân thì doanh nghiệp phải giảm trừ quỹ tiền lương thực hiện tương ứng theo tỷ lệ (%) hoặc theo giá trị tuyệt đối của phần lợi nhuận thực hiện thấp hơn so với lợi nhuận bình quân, nhưng phải bảo đảm quỹ tiền lương thực hiện sau khi giảm trừ không thấp hơn quỹ tiền lương tính trên cơ sở số lao động bình quân thực tế sử dụng và mức tiền

lương bình quân của người lao động theo hợp đồng lao động và mức tiền lương bình quân của Ban điều hành, trong đó mức tiền lương của Ban điều hành không vượt quá mức tiền lương bình quân của Thành viên hội đồng (sau đây gọi là mức tiền lương chế độ). Đối với doanh nghiệp năm thực hiện không có lợi nhuận hoặc lỗ thì quỹ tiền lương thực hiện được tính trên cơ sở số lao động thực tế sử dụng bình quân và mức tiền lương chế độ. Trường hợp giảm lỗ (kể cả năm thực hiện không có lợi nhuận) so với lợi nhuận bình quân thì căn cứ vào mức độ giảm lỗ để xác định quỹ tiền lương, bảo đảm tương quan chung và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, cho ý kiến trước khi quyết định.

Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thì

cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt mức tiền lương, thù lao kế hoạch, mức tiền lương, thù lao thực hiện năm trước liền kề, tiền thưởng của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên trước ngày 31 tháng 3 hằng năm; đơn giá tiền lương đối với doanh nghiệp xác định quỹ tiền lương thông qua đơn giá tiền lương. Chấp thuận bảng lương của Ban điều hành, Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên. Đồng thời cho ý kiến về quỹ tiền lương kế hoạch (đối với doanh nghiệp xác định quỹ tiền lương theo mức tiền lương bình quân), quỹ tiền lương thực hiện năm trước liền kề, quỹ tiền thưởng của người lao động và Ban điều hành trước ngày 31 tháng 3 hằng năm; thang lương, bảng lương của người lao động; quy chế trả lương, quy chế thưởng...

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Xin hỏi, mức đóng công đoàn phí đối với đoàn viên ở cơ quan nhà nước?

Trả lời: Theo khoản 1 Điều 23 Quyết định 1908/QĐ-TLĐ của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành ngày 19/12/2016 quy định đoàn viên ở các công đoàn cơ sở cơ quan nhà nước; Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; đơn vị sự nghiệp hưởng lương theo bảng lương, bậc lương do Nhà nước quy định: mức đóng đoàn phí hàng tháng bằng 1% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội theo quy

định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

Tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội là tiền lương cấp bậc, chức vụ, lương theo hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề. Khi tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội thay đổi thì tiền lương làm căn cứ đóng đoàn phí công đoàn thay đổi theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

2. Hỏi: Mức đóng công đoàn phí đối với đoàn viên ở cơ sở doanh nghiệp nhà nước?

Trả lời: Theo khoản 2 Điều 23 Quyết định 1908/QĐ-TLĐ của Tổng

Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành ngày 19/12/2016 quy định đoàn viên ở các công đoàn cơ sở doanh nghiệp nhà nước (bao gồm cả công đoàn Công ty cổ phần nhà nước giữ cổ phần chi phối): mức đóng đoàn phí hàng tháng bằng 1% tiền lương thực lĩnh (tiền lương đã khấu trừ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân của đoàn viên), nhưng mức đóng đoàn phí hàng tháng tối đa chỉ bằng 10% mức lương cơ sở theo quy định của Nhà nước.

3. Hỏi: *Phương thức đóng công đoàn phí?*

Trả lời: Theo khoản 1 Điều 24 Quyết định 1908/QĐ-TLĐ của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành ngày 19/12/2016 quy định phương thức đóng phí gồm:

- Đoàn phí công đoàn do đoàn viên đóng trực tiếp hàng tháng cho tổ công đoàn, công đoàn bộ phận, công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn (theo phân cấp của công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn).

- Đoàn phí công đoàn thu qua lương hàng tháng (tiền mặt hoặc chuyển khoản) sau khi có ý kiến thỏa thuận của đoàn viên. Trong trường hợp này, số thu đoàn phí công đoàn phải có xác nhận của phòng kế toán đơn vị và có danh sách chi tiết đoàn viên đóng đoàn phí.

- Khuyến khích đoàn viên công đoàn, công đoàn cơ sở đổi mới phương thức thu, nộp đoàn phí công đoàn bằng công nghệ hiện đại (thu qua tài khoản cá nhân, qua thẻ ATM...) trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất giữa đoàn viên với công đoàn

cơ sở và được công đoàn cấp trên trực tiếp đồng ý bằng văn bản.

4. Hỏi: *Nguồn thu tài chính của công đoàn cơ sở được phân phối như thế nào?*

Trả lời: Theo Điều 21 Quyết định 1908/QĐ-TLĐ của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành ngày 19/12/2016 và khoản 4 Điều 1 Quyết định số 1764/QĐ-TLĐ của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành ngày 28/12/2020 quy định:

- Công đoàn cơ sở được sử dụng 60% tổng số thu đoàn phí công đoàn. Phần kinh phí công đoàn phân phối cho công đoàn cơ sở theo hướng mỗi năm tăng 1% để đạt mức 75% đến năm 2025. Phần đoàn phí công đoàn thu tăng thêm so với quy định tại Điều 23 Quyết định này và nguồn thu khác được để lại 100% cho công đoàn cơ sở sử dụng.

- Nộp kinh phí lên công đoàn cấp trên của công đoàn cơ sở được phân cấp thu kinh phí công đoàn. Công đoàn cơ sở được phân cấp thu kinh phí công đoàn nộp lên công đoàn cấp trên (cấp được phân cấp quản lý tài chính công đoàn) tỷ lệ phần trăm trên tổng số thu kinh phí công đoàn và tổng số thu đoàn phí công đoàn theo hướng dẫn hàng năm của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. Trong năm nộp theo dự toán, khi có quyết toán nộp theo số thu quyết toán.

- Cấp kinh phí công đoàn cho công đoàn cơ sở không được phân cấp thu kinh phí công đoàn. Công đoàn cấp trên được phân cấp thu kinh phí công đoàn khi nhận được kinh phí công đoàn của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng có trách nhiệm cấp cho công đoàn cơ sở (đơn

vị nộp kinh phí công đoàn) trong vòng 05 ngày làm việc.

- Đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chưa thành lập công đoàn cơ sở: Công đoàn cấp trên được phân cấp thu kinh phí công đoàn khi nhận được kinh phí của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng được sử dụng theo tỷ lệ phần trăm trong tổng số thu kinh phí công đoàn theo hướng dẫn hàng năm của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn để chi cho hoạt động tuyên truyền, phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, ký thỏa ước lao động tập thể, bảo vệ, chăm lo cho người lao động tại các đơn vị này. Cuối năm số kinh phí sử dụng cho các hoạt động trên chưa hết phải quản lý, theo dõi và trả lại cho công đoàn cơ sở khi đơn vị đó thành lập tổ chức công đoàn; Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chưa thành lập công đoàn cơ sở đã phá sản, giải thể thì số thu kinh phí công đoàn được ghi tăng nguồn thu tài chính công đoàn tại cấp trên cơ sở được phân cấp thu./.